TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2025/QĐST-DS	*Thới Lai, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17/6/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 232/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn*:

1. Ông **Bùi Văn V**, sinh năm 1977

2. Bà **Đặng Thị Như T**, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1966

Địa chỉ: số A đường A, khu phố G, phường T, quận I (cũ)

Địa chỉ liên hệ: C N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn*: ông **Lê Hoàng N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 2.20 tầng 3 chung cư K, F B, phường A (nay là phường A), quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Hữu T1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. **Văn phòng C**

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Lê Hoàng N1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: 2.20 tầng 3 chung cư K, F B, phường A (nay là phường A), quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chị **Bùi Đặng Phi Y**, sinh năm 2007

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Bùi Văn V, bà Đặng Thị Như T và ông Lê Hoàng N thống nhất hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 155, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Văn phòng C đối với thửa đất 464, 454 và 1416, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T theo GCNQSDĐ số V520985, số vào sổ 00031 do UBND huyện Ô cấp ngày 07 tháng 11 năm 2002 (chỉnh lý trang 4 ngày 27 tháng 02 năm 2015, ngày 20 tháng 12 năm 2016 và ngày 18 tháng 7 năm 2018) giữa bên chuyển nhượng ông Bùi Văn V, bà Đặng Thị Như T với bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Hoàng N.

2.2. Buộc ông Bùi Văn V, bà Đặng Thị Như T, chị Bùi Đặng Phi Y tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 2.500m^2 (loại đất LNK) thuộc quyền sử dụng đất thửa 464, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T theo GCNQSDĐ số V520985, số vào sổ 00031 do UBND huyện Ô cấp ngày 07 tháng 11 năm 2002 (chỉnh lý trang 4 ngày 27 tháng 02 năm 2015, ngày 20 tháng 12 năm 2016 và ngày 18 tháng 7 năm 2018), tại vị trí A theo Trích đo địa chính số 31 – 2025, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cho ông Lê Hoàng N1.

2.3. Tại thời điểm ông Lê Hoàng N1 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.500m^2 thuộc quyền sử dụng đất thửa 464, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T (tại vị trí A theo Trích đo địa chính số 31 – 2025, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C), buộc ông Lê Hoàng N1 có nghĩa vụ giao số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) cho ông Bùi Văn V và bà Đặng Thị Như T. Đồng thời, buộc ông Bùi Văn V và bà Đặng Thị Như T, chị Bùi Đặng Phi Y có nghĩa vụ giao quyền sử dụng đất cho ông Lê Hoàng N1 diện tích 2.500m^2 (loại đất LNK) thuộc quyền sử dụng đất thửa 464, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp T, thị trấn T, huyện T, tại vị trí A theo Trích đo địa chính số 31 – 2025,

ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C. Đối với phần cây trồng tại vị trí A, được mô tả trong Biên bản định giá tài sản ngày 31 tháng 3 năm 2025: Buộc ông Bùi Văn V và bà Đặng Thị Như T có nghĩa vụ di dời, về chi phí di dời do ông V và bà T tự nguyện chịu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về chi phí tố tụng: ông Bùi Văn V, bà Đặng Thị Như T phải chịu 3.333.333đồng; ông Lê Hoàng N, ông Lê Hoàng N1 mỗi người phải chịu 3.333.333đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ quyền sử dụng đất tranh chấp. Do bà T, ông V đã nộp tạm ứng nên ông N1, ông N mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả 3.333.333đồng cho ông V, bà T.

2.5. Về án phí: ông Bùi Văn V, bà Đặng Thị Như T, chị Bùi Đặng Phi Y phải chịu 7.875.000đồng. Ông Lê Hoàng N1 phải chịu 21.000.000đồng. Ông Lê Hoàng N phải chịu 150.000đồng. Cấn trừ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004450 ngày 14 tháng 10 năm 2024, ông V và bà T phải nộp thêm 7.575.000đồng. Cấn trừ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005022 ngày 09 tháng 6 năm 2025, ông N1 phải nộp thêm 20.700.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Trúc